

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 18-5-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng, bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18-5-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2020/TLST-DS, ngày 29/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 06-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST – DS ngày 23-4-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Trụ sở tại: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ (Theo Giấy ủy quyền số 1313/UQ-NHKL ngày 06/8/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Hoài S – Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ (Theo giấy ủy quyền số 136/UQ-CNDL ngày 24/8/2020), có mặt

Địa chỉ: Số 146 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M, đều vắng mặt

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị S, tổ dân phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoài S trình bày:

Vào ngày 18/01/2019, ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M có vay của Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ tổng số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 61/19/HĐTD/0700-4223 ngày 18/01/2019.

Ngân hàng đã giải ngân ngày 18/01/2019, ngày đến hạn trả nợ 18/01/2020; Mục đích vay vốn: Đầu tư chăm sóc cà phê và tiêu; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất cho vay 13.6%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Hình thức thanh toán: Lãi tiền vay trả 06 tháng/1 lần, vốn vay trả cuối kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M ký với ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/18/HĐTC –BDS/0700-4223 ngày 11/01/2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Đắk Lắk và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 12/02/2018.

Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 410244; thuộc thửa đất số 360, tờ bản đồ số 3, diện tích 290m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/8/2016 mang tên Nguyễn Hoàng Hải T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T và bà M đã thanh toán được số tiền gốc là 23.500.000 đồng, lãi trong hạn là 13.600.000 đồng và lãi quá hạn là 12.682.652 đồng. Tính đến ngày 18/5/2021 ông T và bà M còn nợ của Ngân hàng tổng số nợ cả gốc và lãi là 88.300.701 đồng (trong đó nợ gốc là 76.500.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.800.701 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 18/5/2021 là 88.300.701 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/5/2021 cho đến khi ông T, bà M thanh toán hết số nợ trên.

Trường hợp ông T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông T bà M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/18/HĐTC –BDS/0700-4223 ngày 11/01/2018 ký giữa ông T, bà M và Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thị xã Buôn Hồ đã nhiều lần triệu tập ông T và bà M lên làm việc nhưng ông T, bà M không chấp hành, nên Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng và thực hiện xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 09-10-2020 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 12-10-2020 Tòa án thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 20-10-2020 Ngân hàng bổ sung đơn khởi kiện; cùng ngày 20-10-2020 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 27-10-2020 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 61/19/HĐTD/0700-4223 ngày 18/01/2019, ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đ để vay số tiền gốc 100.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M thế chấp tài sản hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/18/HĐTC –BDS/0700-4223 ngày 11/01/2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Đắk Lắk và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 12/02/2018. Tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 410244; thuộc thửa đất số 360, tờ bản đồ số 3, diện tích 290m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/8/2016 mang tên Nguyễn Hoàng Hải T. Tài sản thế chấp hiện nay ông T và bà M đang quản lý và sử dụng.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, ông T và bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phía ngân hàng khởi kiện buộc ông T và bà M phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/5/2021 là 88.300.701 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/5/2021 cho đến khi ông T, bà M thanh toán hết số nợ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn trường hợp ông T và bà M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/18/HĐTC –BDS/0700-4223 ngày 11/01/2018, ký kết giữa ông T, bà M với Ngân hàng để thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Các Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/5/2021 số tiền là 88.300.701 đồng (trong đó nợ gốc là 76.500.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.800.701 đồng).

Kể từ ngày 19-5-2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng phải trả cho ông T và bà M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Hoàng Hải T đã thế chấp cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Hoàng Hải T được xử lý theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28/18/HĐTC –BĐS/0700-4223 ngày 11/01/2018 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Hải T và bà Võ Thị Tuyết M phải chịu 4.415.035 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 2.770.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0015635 ngày 27-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CC THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Chung

